

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Quang Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Hồ Đắc Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 379/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Đặng Như L, sinh năm 1977; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Minh D, sinh năm 1975; HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn xin ly hôn ngày 10/11/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà Trịnh Đặng Như L) trình bày:**

Bà Trịnh Đăng Như L và ông Đặng Minh D tự nguyện chung sống với nhau năm 1997, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 10/4/1998 nhưng do giấy đăng ký kết hôn sai sót nên đăng ký lại ngày 16/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, ông D thỉnh thoảng uống rượu chửi bới, trù trệt vợ con và ông D có đôi lần đánh bà L làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng tệ nhạt, mệt mỏi, hai vợ chồng không còn tình cảm và không có hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã không còn sống chung từ hơn 08 năm nay. Vì vậy bà L yêu cầu được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông D có 02 con chung tên Đặng Minh Ch, sinh năm 1998 và Đặng Minh N, sinh ngày 06/02/2010. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 06/02/2010 và bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Đặng Minh Ch đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do bà yêu cầu nuôi cháu N là do bà L có điều kiện chăm sóc con tốt hơn ông D. Bà L làm công việc buôn bán quán ăn và nước giải khát tại nhà nên có thời gian chăm sóc đưa đón con đi học. Ông D đang làm bảo vệ tại công ty khu công nghiệp Rạch Bắp thuộc thị xã Q, tỉnh Bình Dương nên không có điều kiện thời gian chăm sóc và đưa đón con đi học. Hơn nữa, cháu L là con gái nên bà L dễ hiểu tâm sinh lý của cháu tốt hơn ông D.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Đối với bị đơn (ông Đặng Minh D).**

Tòa án đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập để ông D thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng ông D không có mặt trong tất cả các buổi làm việc, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:**

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

*Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 10/11/2021, bà Trịnh Đặng Như L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Đặng Minh D nên đây là vụ án “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bà L khởi kiện ông D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông D hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông D theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1998 và đăng ký kết hôn lại năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01 ngày 16/10/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Đặng Như L và ông Đặng Minh D là hợp pháp.

[2.2] Bà L trình bày sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã, ông D thỉnh thoảng uống rượu chửi bới, trù trịch vợ con và ông D có đôi lần đánh bà L làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng tệ nhạt, mệt mỏi, hai vợ chồng không còn tình cảm và không có hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã không còn sống chung từ hơn 08 năm nay. Vì vậy, bà L làm đơn ly hôn với ông D. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông D không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác... và lý do chính đáng khác. Tại các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 17/5/2021 và ngày 20/5/2021 của Tòa án xác định bà L và ông D thỉnh thoảng có xảy mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D có uống rượu nên thỉnh thoảng có cãi vã, to tiếng với vợ. Hơn nữa, trong quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông D đều vắng

mặt. Điều này cho thấy bà L và ông D không còn quan tâm chăm sóc nhau và ông D không thật sự mong muốn hàn gắn tình cảm với bà L. Do đó mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông D đã đến mức trầm trọng trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 06/02/2010. Xét thấy, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “...Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Hiện tại, bà L làm công việc buôn bán quán ăn và nước giải khát tại nhà, còn ông D đang làm công việc bảo vệ công ty nên thời gian chăm sóc đưa đón con đi học của bà L thuận tiện hơn ông D. Cháu N hiện là cháu gái nên việc cháu sống với mẹ thì sẽ phù hợp với tâm sinh lý của cháu. Hơn nữa, việc giao cháu N cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Mặt khác, ông D cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L về việc nuôi dưỡng con chung.

*Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con:* Bà Trịnh Đặng Như L tự nguyện không yêu cầu ông Đặng Minh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Đặng Như L về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Đặng Minh D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trịnh Đặng Như L được ly hôn với ông Đặng Minh D.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Đặng Minh N, sinh ngày 06/02/2010 cho bà Trịnh Đặng Như L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Đặng Như L không yêu cầu ông Đặng Minh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trịnh Đặng Như L và ông Đặng Minh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trịnh Đặng Như L chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007005 ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Quang Bảo**